

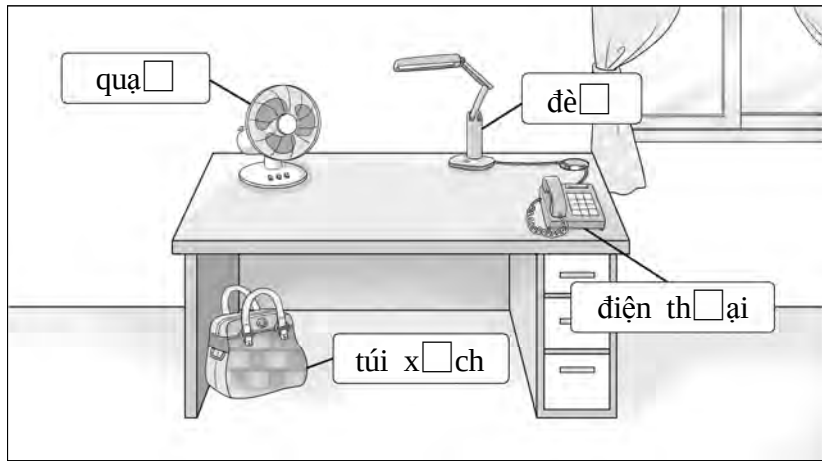
제 5 교시

제2외국어/한문 영역(베트남어I)

성명

수험 번호

1. □에 들어갈 글자를 모두 조합하여 만들 수 있는 낱말은?



- ① buồn ② điếm ③ lược ④ toán ⑤ tươi

2. 밑줄 친 부분의 발음이 같은 것을 고른 것은? [1점]

Chị gái tôi đang ngồi ngủ trên ghế nhỏ trong công viên.
(a) (b) (c) (d)

- ① (a), (b) ② (a), (c) ③ (b), (c)
④ (b), (d) ⑤ (c), (d)

3. 밑줄 친 ‘cảnh sát’과 성조 배열이 같은 것은?

Anh trai tôi là cảnh sát.

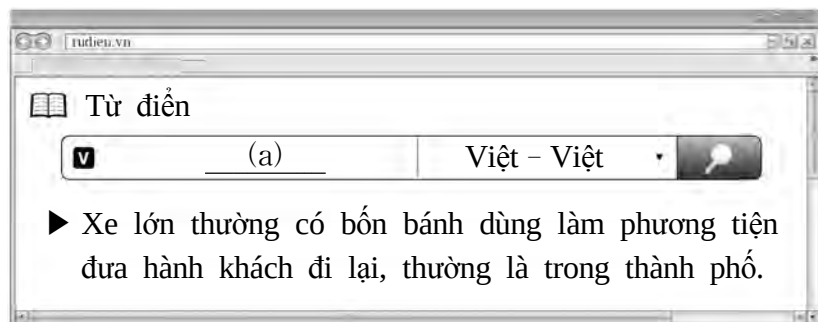
A: Sợ thích của mình là chơi bong chày.
(a) (b)

Khi ranh rôi, bạn làm gì?
(c)

B: Mình hay chơi thê thao hoặc xem truyền hình.
(d) (e)

- ① (a) ② (b) ③ (c) ④ (d) ⑤ (e)

4. 빈칸 (a)에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]



- ① lái xe ② xe đạp ③ xe lửa
④ máy bay ⑤ xe buýt

5. 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은?

- Đôi giày này có _____ với chị không?
○ Tiếng ti vi hơi to, giảm đi một chút thì _____.

- ① bản ② hẹp ③ vừa ④ thân ⑤ xanh

6. 빈칸에 공통으로 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

- Ông bà tôi nuôi hai _____ trâu.
○ Gần chùa có một _____ sông lớn.

- ① tờ ② cái ③ con ④ chiếc ⑤ quyển

7. 문장 표현이 옳은 것을 고른 것은?

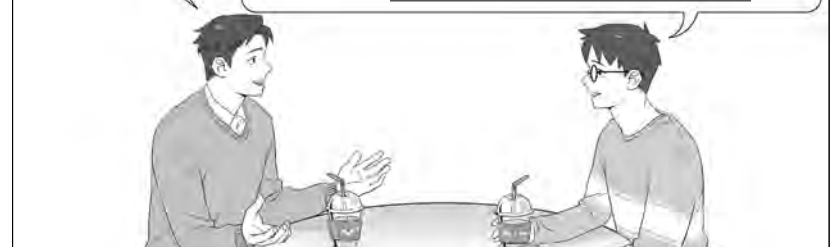
- a. Hà nói tiếng Anh kém dù nghe tiếng Anh khá tốt.
b. Tuy Hà nói tiếng Anh kém dù nghe tiếng Anh khá tốt.
c. Dù Hà nói tiếng Anh kém nên nghe tiếng Anh khá tốt.
d. Tuy Hà nói tiếng Anh kém nhưng nghe tiếng Anh khá tốt.

- ① a, b ② a, d ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

8. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

Cô Vy đi Hàn Quốc bao giờ thế?

Cô Vy đi _____ rồi.



- ① cách đây khoảng vài năm
② đây khoảng năm vài cách
③ khoảng đây cách năm vài
④ năm cách vài đây khoảng
⑤ vài năm đây khoảng cách

9. 문장 표현이 옳지 않은 것은?

- ① Ai cũng nghĩ Lê xinh nhất lớp.
② Cháu sắp đến tuổi đi học chưa?
③ Cả ngày Hoa không làm việc gì cả.
④ Hôm qua nó được công an phạt tiền.
⑤ Nếu trời lạnh thì em mặc thêm áo vào nhé.

10. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 고른 것은? [1점]



<보 기>

- a. Không sao b. Dĩ nhiên rồi
c. Hẹn gặp lại em d. Em đi cẩn thận nhé

- ① a, b ② a, c ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

11. 대화의 내용과 일치하는 것은?

A: Hôm nay trường mình thi môn Lịch sử. Ngày mai thi môn Địa lý.
B: Trường mình thi môn Địa lý hôm qua rồi. Còn môn Lịch sử thì ngày mai thi.
A: Thế à! Hôm qua bạn làm bài thi có tốt không?
B: Tốt. Mình thích môn Địa lý mà.

- ① B không thích môn Địa lý.
② Trường B đã thi môn Lịch sử.
③ B đã làm bài thi môn Địa lý tốt.
④ Hôm qua trường A thi môn Địa lý.
⑤ Ngày mai trường A thi môn Lịch sử.

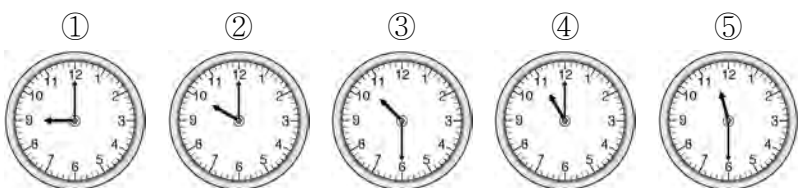
12. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Cậu có ăn bánh không?
B: Không, tớ không đói nhưng _____.
Có đồ uống gì không?
A: Có đấy. Trong tủ lạnh còn mấy lon nước ngọt.

- ① khát nước quá ② không còn vé nữa
③ thường tắm ở nhà ④ sống ở nước ngoài
⑤ hết chương trình rồi

13. 대화의 내용으로 보아 A와 B가 만나기로 한 시각은? [1점]

A: Tuần sau là sinh nhật mẹ rồi. Ngày mai chị với em cùng đi mua quà đi.
B: Vâng, 10 giờ sáng được không chị?
A: Ngày mai chị có giờ học từ 9 giờ đến 11 giờ.
B: Vâng, 11 giờ rưỡi em gặp chị ở trường chị nhé.
A: Ừ, được đấy.



14. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?

A: Hôm qua tớ tìm được nhà mới rồi đấy.
B: _____.
A: Ngay bên cạnh siêu thị 123 trên phố Kim Mã.
B: Thế à? Anh trai tớ cũng sống ở gần đó.

- ① Ở chỗ nào thế ② Cậu thuê cho ai
③ Bao giờ cậu đến ở ④ Phố Kim Mã có gì
⑤ Nhà cậu có mấy phòng

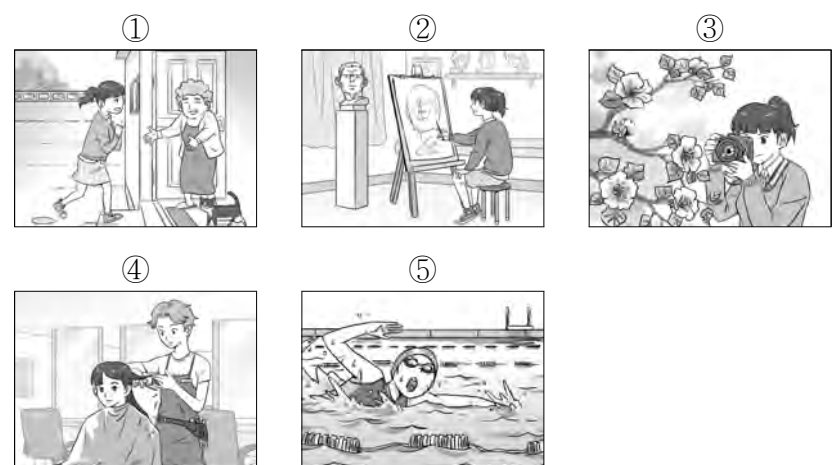
15. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

A: Trời đang mưa. Mình không có áo mưa.
B: Mình có hai cái đấy. Cho bạn mượn một cái nhé.
A: _____.
B: Không có gì.

- ① Có gì đâu ② Mình bình thường
③ Bạn không bán đâu ④ Cảm ơn bạn nhiều
⑤ Mình không cho bạn mượn

16. 대화의 내용으로 보아 B가 내일 하려고 하는 일이 아닌 것은? [1점]

A: Sáng mai, cậu đi chụp ảnh với tớ không?
B: Tớ bận rồi. Tớ phải đi học vẽ và đi bơi.
A: Thế chiều mai thì thế nào?
B: Tớ định đến thăm bà rồi đi cắt tóc.
A: Ừ, vậy lần sau nhé.



17. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은? [1점]

A: Chị làm nghề gì?
B: _____.
A: Thế à! Chị gái em cũng cùng nghề với chị đấy.

- ① Chị là nhà báo
② Chị là người Hàn Quốc
③ Chị sống ở thành phố lớn
④ Nhà chị ở rất gần bưu điện
⑤ Chị và chị gái em không biết nhau

18. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것은?



A: Chào anh. Anh cần gì ạ?
B: Chị cho tôi thuê một phòng đơn.
A: _____ ạ?
B: Tôi sẽ ở ba đêm.

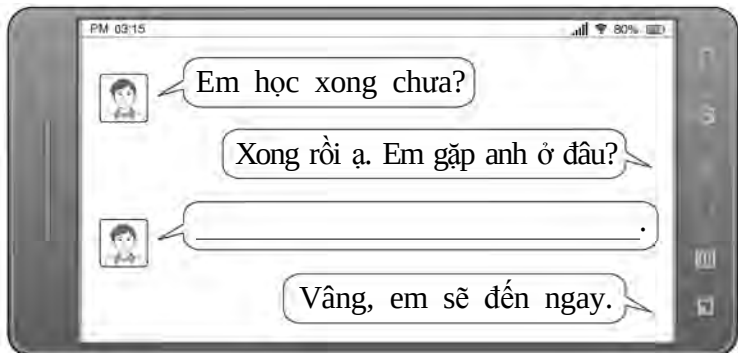
- ① Anh cần mấy phòng ② Anh định thuê bao lâu
③ Bao nhiêu tiền một đêm ④ Anh thuê cho mấy người
⑤ Anh thuê phòng loại nào

19. 대화의 내용으로 알 수 있는 것은?

Hồng : Chiều mai em có thời gian không?
Ha-na : Có ạ. Chuyện gì vậy chị?
Hồng : Có phim Việt Nam mới *Taxi*, em tên gì? đấy.
Cùng đi xem nhé.
Ha-na : Hay quá. Em cũng muốn xem vì đây là một cách
tốt để học tiếng Việt chị ạ.

- ① Hồng과 Ha-na의 취미는 영화 감상이다.
② Hồng은 Ha-na에게 베트남어를 가르친다.
③ Hồng은 Ha-na에게 영화를 보러 가자고 했다.
④ Hồng은 영화 *Taxi*, em tên gì?를 본 적이 있다.
⑤ Hồng과 Ha-na는 택시를 타고 영화를 보러 간다.

20. 빈칸에 들어갈 말로 알맞지 않은 것은?



- ① Số 23 đường Nguyễn Du
② Trước ngân hàng VH nhé
③ Cửa Đông chợ Bến Thành nhé
④ Năm sau anh sẽ ở Nha Trang
⑤ Em đến quán cà phê ở đối diện trường

21. 대화의 내용으로 알 수 있는 것은?

A: Bạn có mấy anh chị em?
B: Mình có một em trai thôi.
A: Em trai bạn bao nhiêu tuổi?
B: Nó 17 tuổi.
A: Thế thì em trai bạn bằng tuổi em gái mình đấy.

- ① A có em trai.
② Em gái A 17 tuổi.
③ Em trai B kém B 1 tuổi.
④ A thấp nhất trong gia đình.
⑤ Gia đình của A có 4 người.

22. 대화의 내용으로 보아 Đà Lạt과 Hà Nội의 현재 날씨는? [1점]



A: Mình vào Đà Lạt hai ngày rồi.
B: Thế à? Đà Lạt mùa này chắc nhiều
sương mù nhỉ?
A: Sáng sớm có sương mù nhưng bây
giờ trời nắng đẹp. Hà Nội thì sao?
B: Trời đang mưa.

	Đà Lạt	Hà Nội		Đà Lạt	Hà Nội
①			②		
③			④		
⑤					

23. 빈칸에 들어갈 말로 알맞은 것을 <보기>에서 찾아 순서대로
바르게 배열한 것은?

Giáo viên : _____
Học sinh : Em đau đầu quá ạ.
Giáo viên : _____ Đầu em nóng
quá. Em bị sốt rồi.
Học sinh : Vâng. _____
Giáo viên : Cô đưa em xuống gặp y tá của trường nhé.

—<보 기>—
a. Để cô xem. b. Em bị sao thế?
c. Em thấy chóng mặt nữa ạ.

- ① a - c - b ② b - a - c ③ b - c - a
④ c - a - b ⑤ c - b - a

24. 외국어 학원 광고이다. 광고문의 내용과 일치하는 것을
<보기>에서 고른 것은?

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ IFL

- Dạy tiếng Anh, Pháp, Trung Quốc, Hàn Quốc
- Có các lớp sáng - chiều - tối từ thứ 2 đến thứ 7
- Sáng chủ nhật có lớp tiếng Anh cho trẻ em (5 - 7 tuổi)
- Mỗi lớp chỉ từ 10 đến 15 người
- Giảm 10% tiền học cho sinh viên

Liên hệ : 028 1234 5678
10 Lê Duẩn, TP. Hồ Chí Minh

—<보 기>—
a. 한 반의 정원은 25명이다.
b. 한국어는 가르치지 않는다.
c. 대학생은 수업료를 할인 받는다.
d. 5 - 7세 어린이 영어 강좌는 일요일 오전에 있다.

- ① a, b ② a, c ③ b, c ④ b, d ⑤ c, d

25. 빈칸에 들어갈 말로 알맞지 않은 것은?

A: Chị ơi, cam này bao nhiêu tiền một cân?

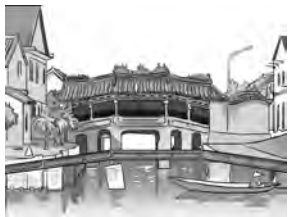
B: 100.000 đồng em ạ.

A: Đắt quá! Chị có bớt được không?

B: Không được, _____.

- ① chị bán đúng giá
- ② mùa này cam đắt lắm
- ③ giá này không đắt đâu
- ④ chị bớt cho em 20.000 đồng
- ⑤ 100.000 đồng một cân là giá rẻ rồi

26. 글의 내용으로 알 수 있는 것만을 <보기>에서 있는 대로 고른 것은?



Hội An là một thành phố du lịch nổi tiếng nằm ở Trung Bộ Việt Nam. Vào thế kỷ 17, Hội An không chỉ là cảng quốc tế lớn của Việt Nam mà còn là một trung tâm giao thương của Đông Nam Á. Vì vậy, khi đó nhiều thương nhân nước ngoài đã tìm đến nơi đây buôn bán.

* thế kỷ: 세기 * giao thương: 교역

<보 기>

- a. Hiện nay, Hội An là cảng quốc tế lớn của Đông Nam Á.
- b. Hội An đang là thành phố đông khách du lịch nhất Việt Nam.
- c. Thế kỷ 17, nhiều thương nhân nước ngoài đến Hội An buôn bán.

- ① a
- ② c
- ③ a, b
- ④ b, c
- ⑤ a, b, c

27. 대화의 내용으로 알 수 있는 것을 <보기>에서 고른 것은?

Hùng : Chào Mi-na! Chúc mừng Ngày Phụ nữ nhé!

Mi-na : Hôm nay là Ngày Phụ nữ à? Ngày 8 tháng 3 đã là Ngày Phụ nữ rồi mà.

Hùng : Ủ, nhưng đó là Ngày Quốc tế Phụ nữ, còn ngày 20 tháng 10 là Ngày Phụ nữ Việt Nam.

Mi-na : Thế à? Vậy, vào ngày này người Việt chúc mừng phụ nữ bằng cách nào?

Hùng : Người Việt thường tặng hoa và quà cùng với lời chúc mừng tốt đẹp.

* chúc mừng: 축하하다 * phụ nữ: 여성 * lời: 말

<보 기>

- a. Ngày Phụ nữ Việt Nam là ngày 20 tháng 10.
- b. Hàng năm Ngày Phụ nữ Việt Nam là ngày nghỉ.
- c. Người Việt không kỷ niệm Ngày Quốc tế Phụ nữ.
- d. Người Việt thường tặng hoa trong Ngày Phụ nữ Việt Nam.

- ① a, b
- ② a, d
- ③ b, c
- ④ b, d
- ⑤ c, d

28. Kim Đồng에 관한 글이다. 글에서 언급되지 않은 것은?



Kim Đồng có tên thật là Nông Văn Dền, quê ở Cao Bằng. Kim Đồng tham gia cách mạng từ khi 13 tuổi. Anh nhận nhiệm vụ đưa thư, dẫn đường... Năm 1943, anh hy sinh trong một lần làm nhiệm vụ. Lúc đó Kim Đồng mới 15 tuổi. Anh là một thiếu niên anh hùng của Việt Nam.

* cách mạng: 혁명 * nhiệm vụ: 임무

* hy sinh: 희생되다 * anh hùng: 영웅

- ① 고향
- ② 본명
- ③ 혁명에서의 역할
- ④ 혁명에 참가하게 된 계기
- ⑤ 혁명에 처음 참가한 나이

29. 글의 내용으로 알 수 있는 것은?

Bún bò Huế là một món ăn đặc biệt của Huế. Món ăn này thường có vị cay và mùi vị đặc trưng. Bún bò Huế có nguyên liệu là bún, thịt bò, thịt lợn..., được ăn cùng với các loại rau sống. Từ lâu, bún bò Huế đã là một món ăn mà nhiều người Việt yêu thích.

* vị: 맛 * đặc trưng: 특징 * nguyên liệu: 재료

- ① Ở Huế có một trường dạy nấu bún bò Huế.
- ② Nguyên liệu nấu bún bò Huế chỉ có ở Huế.
- ③ Người Việt thích ăn bún bò Huế vào bữa tối.
- ④ Bún bò Huế tại Huế thường rẻ hơn những nơi khác.
- ⑤ Thịt bò là một trong những nguyên liệu của bún bò Huế.

30. 글의 내용으로 알 수 있는 것은? [1점]



Hàn Quốc và Việt Nam đặt quan hệ ngoại giao vào tháng 12 năm 1992. Tính đến cuối năm 2015, hơn 4 nghìn công ty Hàn Quốc đang đầu tư vào Việt Nam ở nhiều ngành như xây dựng, ngân hàng... Năm 2016, hơn 1,5 triệu lượt khách Hàn Quốc đã đến thăm Việt Nam. Trong năm 2017, Hàn Quốc và Việt Nam có nhiều chương trình kỷ niệm 25 năm quan hệ ngoại giao.

* quan hệ: 관계 * ngoại giao: 외교

* đầu tư: 투자하다 * lượt: 횟수

- ① 베트남의 40개 대학에 한국어과가 있다.
- ② 한국은 베트남과 수교한 25번째 국가이다.
- ③ 한국과 베트남은 1992년 12월에 수교하였다.
- ④ 2016년에 한국을 방문한 베트남인은 약 15만 명이다.
- ⑤ 베트남 회사가 한국에 투자하는 주요 분야는 건설과 금융이다.

* 확인 사항

○ 답안지의 해당란에 필요한 내용을 정확히 기입(표기)했는지 확인 하시오.